

**CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG LAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG LAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107944579

**3. Ngày thành lập:** 02/08/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 23 đường Trần Kim Xuyến, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02462594089

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng: loại công trình xây dựng ; lĩnh vực chuyên môn giám sát: lắp đặt thiết bị, công nghệ mạng thông tin liên lạc<br>Thiết kế kiến trúc công trình | 7110     |
| 2.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                     | 4311     |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                             | 4329     |
| 4.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                             | 4330     |
| 5.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                        | 4390     |
| 6.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                 | 3312     |
| 7.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                    | 3320     |
| 8.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                                                                                       | 7730     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng                                                                                                              | 4659     |
| 10. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                               | 4661     |
| 11. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                               | 2220     |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                        | 4662     |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                    | 4663     |
| 14. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                       | 4752     |
| 15. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                  | 8230     |
| 16. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                        | 4651     |

|     |                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                               | 4312        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                 | 4322        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                           | 4321        |
| 20. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                           | 4100(Chính) |
| 21. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                       | 4210        |
| 22. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                    | 4220        |
| 23. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                      | 4290        |
| 24. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                              | 4652        |
| 25. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                          | 4741        |
| 26. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                         | 1622        |
| 27. | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý                                                                                                                           | 2420        |
| 28. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                  | 2511        |
| 29. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                          | 7710        |
| 30. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                     | 5210        |
| 31. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Môi giới thương mại                                                                                                      | 4610        |
| 32. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                        | 7320        |
| 33. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                  | 6619        |
| 34. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; | 4931        |
| 35. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;                                                                      | 4932        |
| 36. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                            | 4933        |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>Ủy thác xuất nhập khẩu  | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HUỆ NGỌC | Số 204, nhà D, 5 Tầng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | 3.750.000.000         | 75,000    | 013439104                                                                                                                                         |         |
| 2   | TRẦN MẠNH THÀNH | 204, nhà D, 5 Tầng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | 1.250.000.000         | 25,000    | 013439105                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN MẠNH THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013439105

Ngày cấp: 25/06/2011 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 204, nhà D, 5 Tầng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 406-CT5C, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội